Bài 17. HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần biết :

– Phân tích tư liệu, số liệu, ảnh để biết được : sự ra đời và phát triển về số lượng các thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á, mục tiêu hoạt động của Hiệp hội.

– Các nước đạt được những thành tích đáng kể trong kinh tế một phần do có sự hợp tác.

– Thuận lợi và một số thách thức đối với Việt Nam khi gia nhập Hiệp hội.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý CỦA BÀI HỌC

1. Trọng tâm bài

– Hiệp hội các nước Đông Nam Á, lí do thành lập, mục đích và một số thành tựu đã đạt được.

– Việt Nam tham gia Hiệp hội.

2. Nội dung chi tiết

Hiệp hội các nước Đông Nam Á (Association of South– East Asian Nations, viết tắt là ASEAN) được thành lập năm 1967, đó là thời điểm 3 nước Đông Dương đang tiến hành cuộc chiến đấu giải phóng đất nước và có hướng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa. Do đó một số nước trong khu vực thành lập Hiệp hội nhằm hạn chế ảnh hưởng của xu thế xây dựng xã hội chủ nghĩa trong khu vực. Vì vậy lúc đầu Hiệp hội có mục tiêu liên kết về quân sự

nhiều hơn. Cuối thập niên 70, đầu 80 xu thế hợp tác kinh tế xuất hiện và ngày càng trở thành xu thế chính. Đến năm 1998 mục tiêu : "Đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hoà bình, ổn định và phát triển đồng đều" đã được khẳng định tại Hội nghị cấp cao tháng 12 năm 1998 ở Hà Nội.

Đến cuối thập niên 80, đầu 90 ASEAN đã đạt được những thành tựu đáng kể như tăng trưởng kinh tế khá cao (xem bảng 16.1, SGK) ; cơ cấu kinh tế thay đổi : công nghiệp và dịch vụ chiếm tỉ lệ lớn trong GDP (xem bảng 16.2, SGK) ; cơ cấu xuất nhập khẩu thay đổi, đã xuất khẩu được một số mặt hàng cao cấp như linh kiện điện tử, máy móc tinh vi,...

Hiện nay các nước đang tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực : trao đổi hàng hoá qua việc thực hiện khu vực thương mại tự do ASEAN (giảm thuế các mặt hàng, tự do buôn bán giữa các nước trong khu vực) ; lĩnh vực công nghiệp, nông – lâm – ngư nghiệp (giúp đỡ về kĩ thuật, đào tạo nghề, bảo đảm an ninh lương thực) ; lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng (xây dựng tuyến đường sắt chạy qua các quốc gia : Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, Cam-pu-chia, Việt Nam và Côn Minh – Trung Quốc) ; kết nối mạng thông tin giữa các quốc gia trong khu vực và với quốc tế ; hợp tác trong bảo tồn và sử dụng có hiệu quả các nguồn năng lượng của các nước thành viên ; hợp tác trong khai thác, cải tạo và quản lí sông Mê Công. v.v.

III. CÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

– Bản đồ các nước Đông Nam Á.

– Tranh ảnh các nước trong khu vực (nếu có).

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN BÀI HỌC

Mở bài : GV hỏi HS về biểu tượng của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (Bó lúa với mười rẻ lúa) và yêu cầu nêu ý nghĩa của biểu tượng (bó lúa gần gũi với người dân trong khu vực, mỗi rẻ lúa tượng trưng một quốc gia). Bài học này giúp HS tìm hiểu một tổ chức liên kết hợp tác cùng phát triển kinh tế – xã hội mà Việt Nam là một thành viên.

Mục 1. Hiệp hội các nước Đông Nam Á

GV yêu cầu HS cả lớp làm bài tập trong SGK để tìm hiểu về việc gia nhập Hiệp hội của các nước trong khu vực, cần liên hệ về mặt thời gian với hoàn cảnh

lịch sử của Việt Nam nói riêng và của cả ba nước Đông Dương nói chung – trong thập niên 60, 70 ba nước Đông Dương đang tiến hành cuộc chiến chống đế quốc Mĩ – để hiểu mục tiêu lúc đầu của năm nước sáng lập ra Hiệp hội là hợp tác về mặt quân sự. Sang thập niên 90 trong bối cảnh toàn cầu hoá, giao lưu, hợp tác giữa các nước ngày càng mở rộng, quan hệ của các nước trong khu vực được cải thiện. Hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện và tôn trọng chủ quyền của từng quốc gia là mong muốn của các thành viên trong Hiệp hội.

Thời điểm các nước tham gia vào Hiệp hội là :

1967 : Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin.

1984 : Bru-nây

1995 : Việt Nam

1997 : Mi-an-ma, Lào

1999 : Cam-pu-chia

(Hiện còn Đông Ti-mo mới thành lập quốc gia độc lập và chưa tham gia Hiệp hội).

Mục 2. Hợp tác để phát triển kinh tế – xã hội

GV cho HS làm việc chung cả lớp hoặc có thể chia nhóm làm việc theo trình tự sau :

– Nhắc lại kiến thức của Bài 15 về các điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác phát triển kinh tế :

+ Vị trí gần gũi, đường giao thông về cơ bản là thuận lợi.

+ Truyền thống văn hoá, sản xuất có nhiều nét tương đồng.

+ Lịch sử đấu tranh, xây dựng đất nước có những điểm giống nhau, con người dễ hợp tác với nhau.

– HS mô tả và nhận xét các biểu hiện của hợp tác kinh tế giữa các nước qua việc đọc và phân tích đoạn văn, hình 17.2 của bài. GV nên gợi ý cho HS bổ sung thêm ví dụ minh hoạ sự hợp tác này. GV nên có thông tin cập nhật bổ sung tình hình hợp tác giữa các nước thành viên của Hiệp hội.

– GV khẳng định kết quả của sự nỗ lực phát triển kinh tế của từng quốc gia, kết quả của sự hợp tác giữa các nước trong khu vực đã tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế – xã hội.

Bảng 17.1 :

– Những nước có bình quân thu nhập trên 1000 USD : Bru-nây, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan.

– Những nước có thu nhập bình quân đầu người dưới 1000 USD : Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Lào, Phi-líp-pin, Việt Nam.

GV có thể cho HS nhận xét tiếp mức chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người : rất lớn, nhất là so Xin-ga-po và Bru-nây với các nước còn lại.

GV cho HS đọc đoạn văn trong SGK và yêu cầu HS liên hệ để làm rõ hơn quan hệ hợp tác giữa các nước trong khu vực.

Mục 3. Việt Nam trong ASEAN

GV có thể cho HS liên hệ với bất kì một sự kiện mới có liên quan tới quan hệ của Việt Nam với các nước Đông Nam Á, ví dụ trong báo Lao động số 178/2002 ra ngày 10 tháng 7 năm 2002 có đăng tải thông tin về hành lang kinh tế Đông – Tây ; cụ thể về việc xây dựng tuyến đường nối miền Trung của Việt Nam với Trung Lào và Đông Bắc Thái Lan, về triển vọng mở rộng mối quan hệ của ba nước khi có tuyến đường này. Từ sự kiện đó GV giới thiệu cho HS biết về mối quan hệ hợp tác đa dạng của Việt Nam với các nước trong khu vực.

Để tìm hiểu kĩ hơn về mối quan hệ hợp tác này, HS sẽ được làm việc với đoạn văn phỏng theo tin từ tạp chí "Nghiên cứu Đông Nam Á tháng 2 năm 2000" theo hướng dẫn của SGK. HS có thể làm việc cá nhân hoặc theo nhóm sau đó đại diện HS trình bày trước lớp các kết quả thu được. GV có thể gợi ý cho HS nhận xét về tốc độ tăng trưởng trong buôn bán của Việt Nam với các nước thành viên ASEAN, tỉ trọng giá trị hàng hoá Việt Nam buôn bán với các nước này, mặt hàng xuất, nhập khẩu chính, các nước bạn hàng của Việt Nam ; nhận xét về hợp tác phát triển kinh tế những vùng khó khăn của một số nước.

HS cần nêu được : quan hệ với các nước ASEAN chúng ta có thêm điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, cụ thể như :

– Về quan hệ mậu dịch :

+ Tốc độ tăng trưởng trong buôn bán với các nước ASEAN đạt khá cao : từ 1990 đến năm 2000 tăng 26,8% (gần 30%).

+ Tỉ trọng giá trị hàng hoá buôn bán với các nước này chiếm tới 1/3 (32,4%) tổng buôn bán quốc tế của Việt Nam.

+ Mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang các nước ASEAN là : gạo với bạn hàng chính là In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a.

+ Mặt hàng nhập chính là : nguyên liệu sản xuất như xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, hạt nhựa, hàng điện tử.

– Về hợp tác phát triển kinh tế : Dự án phát triển hành lang Đông – Tây tại lưu vực sông Mê Công tạo điều kiện để khai thác tài nguyên và nhân công tại những vùng còn nhiều khó khăn của một số nước trong khu vực, giúp những vùng này phát triển kinh tế – xã hội, xoá đói nghèo.

Đối với HS lớp 8 chỉ cần nhận xét các hiện tượng, sự kiện cho thấy Việt Nam có lợi khi tham gia vào Hiệp hội ASEAN, chưa cần phân tích nguyên nhân, lí do của những hoạt động kinh tế này. GV nên yêu cầu HS bổ sung thêm các ví dụ về quan hệ của Việt Nam với các nước ASEAN như quan hệ trong thể thao văn hoá (Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 trong năm 2003 tại Việt Nam), trong du lịch,...

Đồng thời GV cần phân tích cho HS thấy bên cạnh những thuận lợi do mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực, Việt Nam gặp không ít khó khăn. Ví dụ, do chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế nên năng suất lao động của ta còn thấp, chất lượng hàng hoá sản xuất chưa cao, giá bán hàng cao khó cạnh tranh với hàng các nước khác sản xuất. Điều này yêu cầu các nhà sản xuất phải luôn nghĩ đến việc đầu tư công nghệ sản xuất mới để cải thiện chất lượng hàng, giảm giá hàng,... Các nước Đông Nam Á có nhiều mặt hàng giống nhau càng dễ xảy ra cạnh tranh trong xuất khẩu. Sự khác biệt trong thể chế chính trị dẫn đến cách giải quyết các mối quan hệ kinh tế, văn hoá, xã hội khác nhau nhiều khi gây khó khăn không cần thiết như chúng ta có nhiều thủ tục hành chính khi giải quyết các hợp đồng, các giấy cấp phép hoạt động. Hiện nay chúng ta đang tiến hành cải cách hành chính để có thể giảm bớt các thủ tục không cần thiết. Không cùng chung ngôn ngữ cũng gây những khó khăn lớn khi Việt Nam mở rộng giao lưu với các nước,...